

Số: /QĐ-SGDĐT *Quảng Ninh, ngày tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
V/v phê duyệt kết quả tuyển sinh lớp 10 THPT Trường THPT Lê Hồng Phong,
năm học 2025-2026

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 25/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh lớp 6 phổ thông dân tộc nội trú và lớp 10 trung học phổ thông các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; Quyết định số 900/QĐ-UBND ngày 25/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh trung học phổ thông và phổ thông dân tộc nội trú năm học 2025-2026;

Căn cứ Hướng dẫn số 610/SGDĐT-GDPT ngày 23/4/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2025-2026; Quyết định số 198/QĐ-SGDĐT ngày 29/4/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định địa bàn tuyển sinh, mã nhóm xét tuyển và phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú, trường trung học phổ thông công lập năm học 2025-2026 của tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 251/QĐ-SGDĐT ngày 16/5/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Hội đồng duyệt kết quả tuyển sinh lớp 6, lớp 10 năm học 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số 270/QĐ-SGDĐT ngày 23/5/2025 của Sở GDĐT về việc phê duyệt danh sách học sinh tuyển thẳng vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2025-2026;

Xét Tờ trình số 200/TTr-HĐTS ngày 27/6/2025 của Trường THPT Lê Hồng Phong về việc đề nghị phê duyệt kết quả tuyển sinh vào lớp 10 Trường THPT Lê Hồng Phong, năm học 2025-2026;

Theo đề nghị của Hội đồng duyệt kết quả tuyển sinh lớp 6, lớp 10 năm học 2025-2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả tuyển sinh vào lớp 10 THPT của Trường THPT Lê Hồng Phong, năm học 2025-2026:

1. Số lượng học sinh trúng tuyển: 222 (*hai trăm hai mươi hai*).
2. Số lớp: 5 (*năm*).

(Danh sách cụ thể kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Hiệu trưởng Trường THPT Lê Hồng Phong có trách nhiệm công bố công khai kết quả tuyển sinh tới học sinh, cha mẹ học sinh và thông báo Kế hoạch nhập học của trường cho các học sinh trúng tuyển theo quy định.

Điều 3. Trưởng các đơn vị thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng Trường THPT Lê Hồng Phong và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- GD, các PGD Sở;
- Các trường có cấp học THPT;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT, GDPT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trịnh Đình Hải

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

Trường THPT Lê Hồng Phong

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /7/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Stt	Mã định danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
													Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
1	022210012406	Đinh Ngọc Huy	26/05/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 8A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	1	1		8	9,6	9	27,60
2	027210008014	Nguyễn Đức Bảo	26/03/2010	Bắc Ninh	Nam	Kinh	Khu 3, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			8	9,8	9	26,80
3	022310001717	Nguyễn Tuệ Anh	27/06/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 1B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			8	9,4	9	26,40
4	022310010614	Nguyễn Kim Ngân	19/05/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 6A, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			8	9,8	8,5	26,30
5	022210009675	Lý Trung Hiếu	18/07/2010	Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	Khu 8B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	1	1		7	9,2	9	26,20
6	022210010934	Đỗ Quyền Hưng	15/11/2010	Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	Khu 1, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2	1		7,5	8,8	8,75	26,05
7	022310008477	Nguyễn Hải My	07/05/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 6B, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			7,75	9,4	8,75	25,90
8	034310002661	Nguyễn Phạm Thái	11/07/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 1, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			7,75	9	9	25,75
9	022210002254	Nguyễn Hoàng Phú	22/08/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 6B, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2	1		6,75	10	8	25,75
10	022310008464	Bùi Khánh Ly	22/02/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 6A, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			8,25	9,2	8,25	25,70

Stt	Mã định danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
														Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
11	022310003767	Lương Khánh	Huyền	08/08/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 1B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			8,25	9	8,25	25,50
12	025310011131	Vũ Thảo	Vy	19/10/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 1, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Chu Văn An	Tiếng Anh	2			7,75	9,2	8,5	25,45
13	031210016513	Nguyễn Đức	Nam	09/11/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	Khu 2, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			7,25	9,2	9	25,45
14	022210013271	Phan Vinh	Quang	16/10/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 8B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	1	1		8,25	8,4	7,75	25,40
15	022210011181	Diệp Tú Gia	Huy	01/11/2010	Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	Khu 2B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2	1		7,25	8,8	8,25	25,30
16	022210013200	Trần Hoàng	Minh	16/02/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 2, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2	1		7,5	8,8	8	25,30
17	022210008521	Tạ Bảo	Nam	24/10/2010	Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	Khu 2, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Chu Văn An	Tiếng Anh	2	1		6,25	9,2	8,25	24,70
18	022310007648	Nguyễn Quỳnh	Chi	12/03/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 3, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			7	9,4	8,25	24,65
19	022310008213	Liêu Hoài	Anh	09/08/2010	Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	Khu 8B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	1	1		8	7,8	7,75	24,55
20	022310009100	Nguyễn Hải	Yến	12/06/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 6B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			7,5	8,8	8,25	24,55
21	022210002383	Trần Bảo	Minh	03/11/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 3, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,5	9,2	8,5	24,20
22	022210003120	Lã Hoàng Mạnh	Tuấn	19/06/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 4, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			7,25	9,2	7,75	24,20

Stt	Mã định danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
													Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
23	022310011031	Phí Hồng Nhung	05/05/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 2A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Chu Văn An	Tiếng Anh	2			8,25	8,4	7,5	24,15
24	022210006988	Nguyễn Đăng Khôi	04/09/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 2, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			7,25	8,6	8,25	24,10
25	022310002879	Hà Quỳnh Như	21/09/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu An Sơn, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2	1		7,25	7,8	8	24,05
26	022310001343	Trần Thị Yến Nhi	25/02/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 4, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			7	8,8	8,25	24,05
27	022310002597	Thái Tường Vy	05/06/2010	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Khu 2A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			7,75	8	8,25	24,00
28	022210001782	Đào Duy Thái	03/01/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 2A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,75	9,2	8	23,95
29	022210006498	Nguyễn Thái Hòa	01/05/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 1B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,25	9,4	8,25	23,90
30	022210012655	Trương Thanh Lâm	09/01/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu Đông Sơn, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2			7	8,6	8,25	23,85
31	022310002684	Vũ Khánh Ly	23/11/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 4, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			7,5	8,6	7,75	23,85
32	022210008174	Lê Trung Sơn	04/11/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 6B, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			6,75	8,8	8,25	23,80
33	030210002988	Nguyễn Trần Gia Bảo	15/09/2010	Hải Dương	Nam	Kinh	Khu Đông Sơn, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2			7,25	9	7,5	23,75
34	022210004432	Phạm Minh Vương	16/04/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 2B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			7,25	9	7,5	23,75

Stt	Mã định danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
														Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
35	022310001344	Hoàng Lê	Nhi	06/09/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 6A, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			7	9,4	7,25	23,65
36	022210003180	Bùi Lâm	Vũ	19/11/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 2, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			6	9,4	8,25	23,65
37	022310006127	Trần Hoàng Thu	Hà	14/12/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 1B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2	1		7,25	8,6	6,75	23,60
38	022310003488	Trương Ngọc	Quyên	21/08/2010	Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	Khu 2A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2	1		7	7,6	8	23,60
39	067210004050	Ngô Gia	Thuận	03/02/2010	Đắk Nông	Nam	Kinh	Khu Cao Sơn 3, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2			6,75	8	8,75	23,50
40	022310007312	Tạ Hải	Yến	24/09/2010	Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	Khu 2B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2	1		7,75	8,2	6,5	23,45
41	022310006506	Tổng Thị Hồng	Hạnh	09/04/2010	Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	Khu 1, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2	1		7,5	8,2	6,75	23,45
42	022310002095	Vũ Khánh	Linh	25/01/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 6A, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			7,75	9,2	6,5	23,45
43	022310001856	Ngô Phạm Ngân	Hà	07/03/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 1B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			7,5	7,8	8	23,30
44	022210009064	Nguyễn Phong	Việt	15/07/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 2B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6	9	8,25	23,25
45	022310008240	Hoàng Lê Gia	Nhi	06/09/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 6A, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			7	9	7,25	23,25

Stt	Mã định danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
													Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
46	022210003582	Nhâm Nhật Thành	21/09/2010	Thái Bình	Nam	Kinh	Khu 1B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,5	9,2	7,5	23,20
47	022310009908	La Thùy Linh	21/03/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu An Sơn, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2			7,25	8,4	7,5	23,15
48	022310004077	Lục Gia Hân	25/11/2010	Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	Khu 8A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	1	1		7,5	7,6	7	23,10
49	022210001797	Ngô Bá Kiệt	18/03/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 7A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			7	8,6	7,5	23,10
50	022210004293	Lê Anh Đạt	30/04/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 7A, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			6,75	8,6	7,75	23,10
51	022310004849	Âu Thùy Trang	29/07/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 2B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2	1		6,25	7,8	8	23,05
52	022310012586	Hoàng Thanh Vân	17/07/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 6A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			7,25	8,8	7	23,05
53	022210003290	Đặng Cảnh Bình	11/04/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 4, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			7	8,8	7,25	23,05
54	022210001767	Phạm Toàn Thắng	10/08/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 5, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2	1		6,75	6,8	8,5	23,05
55	022310008673	Nguyễn Quỳnh Trang	15/05/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 2A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			7	8,2	7,75	22,95
56	022310004346	Vũ Yến Nhi	03/04/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 1B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2	1		7	7,6	7,25	22,85
57	022210002037	Nguyễn Xuân Thành	08/04/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 3, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6	9,6	7,25	22,85

Stt	Mã định danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
													Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
58	022210010180	Phạm Đức Huy	08/04/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu Cao Sơn 3, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2			7,5	8,8	6,5	22,80
59	022210000181	Đinh Hữu Phước	13/07/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 6B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,75	8,8	7,25	22,80
60	027310005715	Đặng Thị Tố Uyên	04/01/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 2A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			7,5	8	7,25	22,75
61	022210021016	Vũ Đức Toàn	09/08/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 6B, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			7,25	7	8,5	22,75
62	022310011121	Lý Hà Phương	15/11/2010	Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	Khu 2A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2	1		7,75	7,2	6,75	22,70
63	022310004517	Lý Hà Vy	15/11/2010	Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	Khu 2A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2	1		7,75	6,2	7,75	22,70
64	022310009619	Trần Phạm Tường Vy	05/10/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 4, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			7,25	8,2	7,25	22,70
65	022310004127	Hoàng Minh Thư	15/08/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 2, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2	1		7,75	7,2	6,75	22,70
66	022210010732	Đặng Gia Khánh	14/02/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 7A, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			7	8,2	7,5	22,70
67	022310000774	Nguyễn Phương Linh	11/10/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu Đông Sơn, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2			7,25	8	7,25	22,50
68	001210021715	Đỗ Bảo Nam	12/01/2010	Hà Nội	Nam	Kinh	Khu 7B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Chu Văn An	Tiếng Anh	2			7	9	6,5	22,50
69	031210000709	Trần Thái Sơn	30/03/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 5, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			7,5	7,2	7,75	22,45

Stt	Mã định danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
													Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
70	022210004606	Nguyễn Ngọc Đình	30/01/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 3, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			6,25	8,2	8	22,45
71	022310004846	Phạm Bảo Ngọc	15/12/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 7A, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			7,25	8,2	7	22,45
72	022210008458	Hoàng Mạnh Chiến	29/12/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 7B, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			7,25	7,2	8	22,45
73	024210012438	Trần Đăng Huy	08/02/2010	Bắc Giang	Nam	Kinh	Khu 1B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,5	8,4	7,5	22,40
74	042210007401	Nguyễn Văn Quang	18/09/2010	Nghệ An	Nam	Kinh	Khu 6A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6	8,4	8	22,40
75	022210012654	Phan Ngọc Thiện	06/02/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu Đông Sơn, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2			7,25	8,6	6,5	22,35
76	030210016671	Vũ Minh Thắng	24/05/2010	Hải Dương	Nam	Kinh	Khu Cao Sơn 3, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2			5	8,6	8,75	22,35
77	022210006569	Trần Linh Mạnh	22/04/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 6A, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			7,25	7,6	7,5	22,35
78	022210005691	Trần Duy Tuệ	11/03/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 6B, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			7,25	7,6	7,5	22,35
79	022310011870	Vũ Mai Phương	10/06/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 7A, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			7,5	7,8	7	22,30
80	022210021059	Trình Tùng Anh	17/11/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 3, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			8,25	7	7	22,25

Stt	Mã định danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
													Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
81	022210010120	Trần Đức Lương	28/01/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 7A, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			7,25	7	8	22,25
82	022310004954	Nguyễn Lê Thảo My	16/11/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 1A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			7	8,2	7	22,20
83	022310006477	Hoàng Ngọc Hà	24/07/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 6B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			7,5	7,4	7,25	22,15
84	022210007423	Đình Hoàng Phong	29/03/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 8A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	1			6,5	7,6	8	22,10
85	022210003981	Khuất Duy Chiến	04/06/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 6A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,5	8,8	6,75	22,05
86	022310007864	Nguyễn Thu Dương	26/02/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 8B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	1			7,5	8	6,5	22,00
87	022310000184	Mai Phương Thùy	27/09/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 3, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,5	8	7,5	22,00
88	030310015805	Hà Quỳnh Anh	02/09/2010	Hải Dương	Nữ	Kinh	Khu 7A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			7	8,2	6,75	21,95
89	027210000816	Nguyễn Huy Hiếu	08/04/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 1A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,75	7,2	8	21,95
90	022310011026	Cán Đỗ Kim Ngân	26/05/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu Trung Sơn 2, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Chu Văn An	Tiếng Anh	2			7	8,4	6,5	21,90
91	022310000952	Đặng Hoàng Anh Thư	07/02/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,25	7,8	7,75	21,80
92	022210002806	Hoàng Minh Tiến	05/08/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 5, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2	1		5,75	7,8	7,25	21,80

Stt	Mã định danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
													Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
93	022310000740	Lê Thùy Linh	05/05/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu Cao Sơn 3, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2	1		6,25	8	6,5	21,75
94	022310005479	Nguyễn Ngọc Anh Thư	22/03/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 7B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,75	8,2	6,75	21,70
95	022210001110	Vũ Đức Sơn	02/03/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 1A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			7,25	7,4	7	21,65
96	022210006269	Nguyễn Vinh Quang	25/06/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 7B, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			6,25	8,4	7	21,65
97	022310006348	Nguyễn Thảo Dương	26/02/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 8B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	1			7,25	8,6	5,75	21,60
98	022310007479	Lê Tường Vy	01/07/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 8A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	1			7,75	5,6	8,25	21,60
99	022310007494	Nguyễn Minh Thùy	10/02/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 6B, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			7	6,8	7,75	21,55
100	022310004224	Phạm Khánh Huyền	03/10/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 8A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	1	1		7,5	7,2	5,75	21,45
101	022310004659	Lê Thùy An	27/07/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu Cao Sơn 2, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6	7,4	8	21,40
102	022310007311	Bùi Thu Phương	16/02/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu Đông Sơn, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2			7,5	7,4	6,5	21,40
103	030210016446	Vũ Viết Minh Hoàn	23/11/2010	Hải Dương	Nam	Kinh	đồng đội, Xã Thông Khê, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2			6	7,4	8	21,40
104	022310010296	Nguyễn Minh Ngọc	19/02/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 7B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			7	6,6	7,75	21,35

Stt	Mã định danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
													Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
105	040210030146	Hoàng Trung Hải	18/07/2010	Nam Định	Nam	Kinh	Khu 6A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6	8,6	6,75	21,35
106	022210012103	Tô Minh Hiếu	16/07/2010	Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	Khu 8A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	1	1		5,25	7	8	21,25
107	022310009090	Vũ Mai Hương	13/04/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 5, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,5	8	6,75	21,25
108	022210001041	Đỗ Quang Lâm	28/08/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 1B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2	1		6,5	7	6,75	21,25
109	022210009992	Bùi Đức Nghĩa	15/12/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 2A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6	8	7,25	21,25
110	034210017825	Bùi Duy Thịnh	17/05/2010	Thái Bình	Nam	Kinh	Khu Đông Sơn, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2			6	8,2	7	21,20
111	022310003883	Đào Nguyệt Minh	21/10/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 1, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2	1		7,5	5,6	7	21,10
112	022310007924	Lục Bảo Yên	08/03/2010	Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	Khu 8B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	1	1		6	6,8	7,25	21,05
113	022310010583	Nguyễn Hoàng Quỳnh	29/06/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 1B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			5,75	7,8	7,5	21,05
114	022210007874	Nguyễn Đặng Bảo Lâm	10/09/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 7B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			5,5	7,8	7,75	21,05
115	022310005771	Kiều Nguyễn Thảo Nguyên	18/10/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 4, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			8	5	8	21,00
116	022210002295	Nguyễn Minh Tuấn	18/08/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 7A, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			6,5	8	6,5	21,00

Stt	Mã định danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
													Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
117	022210012656	Hoàng Vũ Cường	07/02/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu Đông Sơn, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2			6,5	7,2	7,25	20,95
118	022310006148	Nguyễn Phương Anh	03/07/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 2B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			7	6,2	7,75	20,95
119	027310006420	Nguyễn Diệu My	21/03/2010	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	Khu 8A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	1			6,25	6,6	8	20,85
120	004310004589	Hoàng Kiều Trà My	08/04/2010	Cao Bằng	Nữ	Tày	Khu 7A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2	1		7	5,6	7,25	20,85
121	022310002459	Lục Ánh Dương	08/11/2010	Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	Khu 8B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	1	1		6,75	5,8	7,25	20,80
122	040210007754	Nguyễn Anh Dũng	03/09/2010	Nghệ An	Nam	Kinh	Khu 4, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			5,5	8,8	6,5	20,80
123	030310005276	Vũ Thị Ánh Vy	14/03/2010	Hải Dương	Nữ	Kinh	Xã Việt Hùng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6	7	7,75	20,75
124	022210007324	Nguyễn Hà Anh Tuấn	22/08/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 7A, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			7	6	7,75	20,75
125	022310009909	Đỗ Thị Khánh Linh	07/11/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 7B, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			7,75	6,2	6,75	20,70
126	022310009175	Vương Hà Minh Anh	31/07/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 1, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			5,75	7,8	7	20,55
127	001310041683	Trần Thị Thu Trang	14/10/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khai Thái, Xã Khai Thái, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2			7,5	6	7	20,50
128	022210005897	Bùi Gia Hưng	26/08/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 6A, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			6,5	6,4	7,5	20,40

Stt	Mã định danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
													Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
129	035310002273	Nguyễn Văn Anh	08/12/2010	Hà Nam	Nữ	Kinh	Khu Đông Sơn, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2			8	8,6	3,75	20,35
130	022310004326	Dương Thanh Bình	24/10/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 2A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			7,25	4,6	8,5	20,35
131	022310000569	Đinh Hoàng Cẩm Tú	17/03/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 6A, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			5,75	6,6	8	20,35
132	022210010359	Trần Trọng Tín	14/10/2010	Thái Bình	Nam	Kinh	Khu 7B, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			7,25	6,6	6,5	20,35
133	022210010057	Nguyễn Hữu Việt Anh	01/11/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu Cao Sơn 3, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2			6,75	6,8	6,75	20,30
134	022310008384	Đinh Hiền Thục	24/08/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 8A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	1			5,5	8	6,75	20,25
135	024210015958	Nguyễn Tiến Hưng	24/04/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu Thủy Sơn, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2			8,25	5	7	20,25
136	022310011076	Ân Gia Linh	02/05/2010	Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	Khu 7A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2	1		7	6	6,25	20,25
137	036210002276	Bùi Minh Chiến	01/07/2010	Nam Định	Nam	Kinh	Khu 6B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			7	6	7,25	20,25
138	022210006712	Hoàng Gia Phong	12/03/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 1B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,75	8,4	5	20,15
139	034210000276	Lê Trí Quảng	11/03/2010	Thái Bình	Nam	Kinh	Khu 6B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6	6,4	7,75	20,15
140	022310003984	Đổng Tâm Anh	27/02/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 8B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	1			7,25	5,6	7,25	20,10

Stt	Mã định danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
													Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
141	022309007504	Vũ Thúy Hiền	07/08/2009	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 7B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2	1		7,25	7,6	4,25	20,10
142	022310006227	Đoàn Minh An	04/08/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 1B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,25	7,8	6	20,05
143	022310004808	Vũ Ngọc Duyên	20/02/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 7B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,75	6,8	6,5	20,05
144	022310003293	Nguyễn Thị Hồng	05/02/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 1B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6	5,8	8,25	20,05
145	022310006318	Nguyễn Thị Minh	11/10/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu Bình Minh, Phường Cẩm Bình, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			7,25	5,8	7	20,05
146	022310004989	Lê Ngọc Hân	11/07/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu Tây Sơn 1, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2			8	7	5	20,00
147	022210003732	Lê Ngọc Đức	31/12/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu Cao Sơn 2, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2			5,75	7	7,25	20,00
148	022210003146	Hà Nam Anh	19/12/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu Cao Sơn 3, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2			6,5	6,2	7,25	19,95
149	022310005005	Trần Thủy Tâm	23/09/2010	Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	Khu 7A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2	1		6,75	8,2	4	19,95
150	034210005663	Đặng Ngọc Dũng	26/01/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 8A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	1			6,75	7,4	5,75	19,90
151	022210007518	Nguyễn Phạm Tùng	10/12/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu Đông Sơn, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Chu Văn An	Tiếng Anh	2			7,5	6,4	6	19,90
152	022310006376	Đoàn Phương Thảo	28/09/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 7B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			7,5	5,4	7	19,90

Stt	Mã định danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
													Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
153	022210008942	Nguyễn Thành Long	17/04/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 2B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			7	6,4	6,5	19,90
154	022310010248	Trần Gia Nhi	11/12/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 8A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	1			7	4,8	8	19,80
155	022310005068	Phùng Như Mai	25/12/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 2B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,75	6,8	6,25	19,80
156	022310009364	Trần Hồng Ngân	27/08/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 3, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,25	6,8	6,75	19,80
157	022310008045	Trần Hà Linh	15/03/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 2A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,75	6,4	6,5	19,65
158	022210006311	Nguyễn Ngọc Trường	29/03/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 6B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,25	6,4	7	19,65
159	030310009659	Phạm Thị Phương Thảo	30/04/2010	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Khu An Sơn, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2	1		6,25	6,6	5,75	19,60
160	022310001835	Đinh Ngọc Yến Nhi	12/08/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 7B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,5	6,6	6,5	19,60
161	022310000789	Bùi Phương Phương	07/09/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu Cao Sơn 3, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2			7,75	6,8	5	19,55
162	036310016020	Phạm Ngọc Giáng My	10/10/2010	Nam Định	Nữ	Kinh	Khu 1A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			7,25	5,8	6,5	19,55
163	030310002377	Vũ Thị Hà Vy	16/03/2010	Hải Dương	Nữ	Kinh	Khu 2A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,75	6,8	6	19,55
164	022210012220	Nguyễn Tiến Thành Nam	29/03/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 7A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			5,75	7,8	6	19,55

Stt	Mã định danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
													Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
165	022210003822	Lê Đức Mạnh	23/03/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 7B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,5	6	7	19,50
166	022310010282	Đặng Thị Minh Ngọc	22/01/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 2, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			6,25	7,2	6	19,45
167	022310011878	Diệp Yến Nhi	31/01/2010	Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	Khu 8B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	1	1		6,75	5,4	6,25	19,40
168	022310006853	Nguyễn Minh Hằng	05/02/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 1B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			5,5	8,4	5,5	19,40
169	030210002846	Bùi Văn Tuấn Anh	28/11/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 4, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,75	5,4	7,25	19,40
170	022210005891	Vũ Minh Sơn	28/09/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 2B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			7	6,4	6	19,40
171	034310005972	Đoàn Trúc Anh	05/04/2010	Thái Bình	Nữ	Kinh	Khu Đông Sơn, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2			6,75	5,6	7	19,35
172	022210010286	Vũ Tuấn Tú	24/02/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 6A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6	7,6	5,75	19,35
173	022310009318	Tô Gia Hân	10/09/2010	Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	Khu 8A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	1	1		5,75	5,8	6,75	19,30
174	030210016799	Nguyễn Như Tuấn	29/12/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu Cao Sơn 1, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2			5,25	6,8	7,25	19,30
175	030210000611	Vũ Đình Phong	06/11/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 6A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,75	5,8	6,75	19,30
176	030310001315	Bùi Thị Gia Như	20/11/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 6B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6	8	5,25	19,25

Stt	Mã định danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
														Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
177	022310011506	Bùi Bảo	Ngọc	23/08/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 2A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,5	6,2	6,5	19,20
178	022310011438	Trần Minh	Châu	11/01/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu Thủy Sơn, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2			7,25	7,4	4,5	19,15
179	022210002763	Phạm Vũ Thiên	Uy	02/12/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 3, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6	6,4	6,75	19,15
180	025210006698	Chu Khánh	Bình	01/08/2010	Phú Thọ	Nam	Kinh	Khu 7A, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			5,5	6,6	7	19,10
181	022310011970	Nguyễn Khánh	Ngọc	26/11/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 1B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2			6,75	6	6,25	19,00
182	022310000146	Vũ Bích	Phương	28/04/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 1A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			7,25	6	5,75	19,00
183	022310011102	Vũ Thị Hồng	Thương	13/06/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2	1		7	5	6	19,00
184	022210002290	Nguyễn Ngọc	Bảo	02/07/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 1B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,25	6,2	6,5	18,95
185	022310008894	Lê Quỳnh	Chi	14/09/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 8A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	1			7	6,6	5,25	18,85
186	022210011815	Nguyễn Thái	Bình	02/02/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 6B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6	6,6	6,25	18,85
187	022210005518	Phạm Tuấn	Minh	05/10/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 4, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6	8,6	4,25	18,85
188	022310003639	Đình Thanh	Thư	24/12/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 5, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2			7,5	3,8	7,5	18,80

Stt	Mã định danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
													Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
189	034210000467	Phạm Thế Anh	11/08/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu Đông Sơn, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2			6,5	6,2	6	18,70
190	022310001634	Nguyễn Minh Anh	18/07/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 2A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6	5,2	7,5	18,70
191	022310004355	Nguyễn Gia Hân	01/09/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 1B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			8	6,2	4,5	18,70
192	034310012404	Bùi Khánh Thi	29/09/2010	Thái Bình	Nữ	Kinh	Khu 2A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			7	5,2	6,5	18,70
193	030310012175	Trần Ngọc Ánh	16/04/2010	Hải Dương	Nữ	Kinh	Khu 5, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,75	6,4	5,5	18,65
194	022310005367	Hoàng Khánh Ly	11/08/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 1, Phường Cao Xanh, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,5	5,8	6,25	18,55
195	022310010538	Lê Quỳnh Trang	24/10/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 4, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			7,5	5,8	5,25	18,55
196	022210013187	Nguyễn Đình Hiếu	20/07/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 6A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6	4,8	7,75	18,55
197	022310005401	Lục Mỹ Phương	23/09/2010	Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	Khu 8A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	1	1		7,25	4	6,25	18,50
198	022210003051	Nguyễn Sơn Hùng	03/09/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 2A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2	1		7,5	5,2	4,75	18,45
199	022210007364	Lê Anh Tuấn	25/04/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu Cao Sơn 3, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2			6	6,4	6	18,40
200	022310007488	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	28/06/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 3, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			7,5	6,4	4,5	18,40

Stt	Mã định danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
													Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
201	022210009433	Tạ Khải Hùng	21/03/2010	Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	1	1		7	4,6	5,75	18,35
202	022210012686	Vũ Bảo Nam	07/10/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu Tây Sơn 2, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2			7,25	6,8	4,25	18,30
203	022310002668	Phạm Thị Thu Hòa	18/06/2010	Nam Định	Nữ	Kinh	Khu 4, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,25	4,8	7,25	18,30
204	022310006054	Diệp Thục Nhi	31/01/2010	Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	Khu 8B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	1	1		5,75	5,2	6,25	18,20
205	022210009938	Diệp Hữu Dũng	16/02/2010	Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	Khu 7B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2	1		4,75	7,2	5,25	18,20
206	034210013672	Nguyễn Huy Hoàng	21/02/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 5, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,75	5,4	6	18,15
207	012210007956	Hoàng Văn Quyền	08/02/2010	Lai Châu	Nam	Thái	Khu 7B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2	1		4,25	6,6	6,25	18,10
208	022310000973	Nguyễn Sơn Hà	01/06/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 7A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,75	3,8	7,5	18,05
209	022310004780	Tạ Quỳnh Nga	30/05/2010	Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	Khu 2, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Thịnh	Tiếng Anh	2	1		5,5	6,8	4,75	18,05
210	022310007454	Trần Phạm Bảo Ngọc	14/12/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu Trung Sơn 2, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			8,25	4,6	5	17,85
211	022310002554	Đoàn Vũ Hải Yên	09/09/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu Đông Sơn, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2			6,25	5,6	6	17,85
212	022310003745	Nguyễn Thị Thuận An	07/03/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 2A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,5	4,8	6,5	17,80

Stt	Mã định danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
													Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
213	022210021055	Lê Nguyễn Duy Bảo	12/02/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 7A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			5	8,8	4	17,80
214	022310008093	Phan Hà Linh	19/03/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu Thủy Sơn, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2	1		6,5	5	5,25	17,75
215	022210010745	Nguyễn Đại Phong	11/09/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 2A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,25	6	5,5	17,75
216	022210002683	Từ Quốc Đức	17/08/2010	Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	Khu 1A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2	1		4,75	7	5	17,75
217	022310012652	Trần Văn Anh	05/08/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 7B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			7	4,2	6,5	17,70
218	030310014412	Nguyễn Thị Huyền	29/08/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 2A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6	6,2	5,5	17,70
219	022210008812	Nguyễn Đức Anh	24/11/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu Cao Sơn 3, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2			5,25	6,4	6	17,65
220	022210007458	Nguyễn Hoàng Tùng	15/09/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu Đồng Sơn, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2			6,75	6,4	4,5	17,65
221	022310009893	Nguyễn Hoàng Mai	12/11/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 6A, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Lý Tự Trọng	Tiếng Anh	2			6,5	5,4	5,75	17,65
222	022210007711	Nông Nhất Huy	07/04/2010	Quảng Ninh	Nam	Tày	Khu Đồng Sơn, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Cẩm Sơn	Tiếng Anh	2	1		6	7,4	3,25	17,65

(Danh sách có 222 học sinh)